

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng 6 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt, công bố kết quả điều tra hiện trạng rừng, trữ lượng các bon rừng của 48 xã, phường phía bắc tỉnh Lào Cai (thuộc tỉnh Lào Cai cũ) giai đoạn 2024-2025

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; Thông tư số 05/TT-BNNPTNT ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng;

Căn cứ các Văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): số 2338/BNN-KL ngày 01/4/2024 về việc điều tra xác định hiện trạng rừng; số 3901/BNN-KL ngày 31/5/2024 về việc tổ chức điều tra xác định hiện trạng rừng;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-KL-CĐS ngày 18/6/2024 của Cục Kiểm lâm về việc ban hành “sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 465/TTr-SNNMT ngày 18/12/2025; Báo cáo số 531/BC-SNNMT ngày 16/12/2025.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt, công bố kết quả điều tra hiện trạng rừng, trữ lượng các bon rừng của 48 xã, phường phía bắc tỉnh Lào Cai (thuộc tỉnh Lào Cai cũ) giai đoạn 2024-2025. Cụ thể như sau:

### 1. Về diện tích và tỷ lệ che phủ rừng

a) Tổng diện tích đất có rừng là 406.575,74 ha (bao gồm diện tích rừng trồng chưa đủ tiêu chí tính tỷ lệ che phủ rừng). Trong đó: Diện tích rừng tự nhiên 251.221,58 ha; diện tích rừng trồng 155.354,16 ha. Cụ thể:

- Diện tích rừng đặc dụng: 59.783,49 ha.
- Diện tích rừng phòng hộ: 145.939,90 ha.
- Diện tích rừng sản xuất: 135.636,72 ha.
- Diện tích rừng khác: 37.276,73 ha.
- Diện tích rừng trồng chưa đủ tiêu chí tính tỷ lệ che phủ: 27.938,90 ha.

b) Tỷ lệ che phủ rừng

Diện tích rừng đủ tiêu chí tính tỷ lệ che phủ rừng (không bao gồm diện tích rừng trồng chưa đủ tiêu chí) là 378.636,84 ha, trong đó: Rừng tự nhiên 251.122,58 ha, rừng trồng 127.415,26 ha. Tỷ lệ che phủ rừng: 59,49%.

**2. Trữ lượng các trạng thái rừng**

a) Tổng trữ lượng gỗ: 34.010.589,57 m<sup>3</sup>, trong đó:

- Rừng tự nhiên: 24.943.102,62 m<sup>3</sup>, chiếm 73,34%.
- Rừng trồng: 9.067.486,95 m<sup>3</sup>, chiếm 26,66%.

b) Trữ lượng rừng tre, nứa: 978,21 triệu cây, trong đó:

- Rừng tre nứa hỗn giao: 869,58 triệu cây, chiếm 88,9%.
- Rừng tre nứa thuần loài: 108,63 triệu cây, chiếm 11,1%.

**3. Trữ lượng các bon rừng**

Tổng trữ lượng cacbon được lưu giữ đạt 14,33 triệu tấn, trong đó:

a) Phân theo nguồn gốc hình thành rừng:

- Rừng tự nhiên: 10,13 triệu tấn (chiếm 70,69%).
- Rừng trồng: 4,20 triệu tấn (chiếm 29,31%).

b) Phân theo mục đích sử dụng:

- Rừng phòng hộ: 5,57 triệu tấn (chiếm 38,87%).
- Rừng đặc dụng: 3,59 triệu tấn (chiếm 25,05%).
- Rừng sản xuất: 4,08 triệu tấn (chiếm 28,47%).
- Rừng mục đích khác: 1,09 triệu tấn (chiếm 7,61%).

**4. Bản đồ thành quả điều tra rừng**

- Bản đồ điều tra rừng cấp tỉnh (48 xã, phường thuộc Khu vực phía Bắc của tỉnh Lào Cai) tỷ lệ 1/100.000, số lượng: 01 bản đồ.

- Bản đồ điều tra rừng cấp xã tỷ lệ 1/25.000, số lượng: 29 bản đồ.

- Bản đồ điều tra rừng cấp xã tỷ lệ 1/10.000, số lượng: 19 bản đồ.

**5. Cơ sở dữ liệu điều tra rừng**

Toàn bộ số liệu về diện tích, trữ lượng rừng và bản đồ điều tra rừng (dạng số) được lưu trên hệ thống máy tính tại Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lào Cai, chi tiết đến từng lô trạng thái và chủ rừng.

*(Chi tiết tại các phụ biểu và bản đồ kèm theo)*

**Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Công khai và cung cấp thông tin kết quả điều tra hiện trạng rừng, trữ lượng các bon rừng trên địa bàn tỉnh cho các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan để thống nhất khai thác, sử dụng phục vụ công tác quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Chịu trách nhiệm về độ tin cậy, tính chính xác, mức độ đầy đủ thông tin, tài liệu, số liệu của dữ liệu điều tra, đảm bảo thống nhất, đồng

bộ giữa hồ sơ và thực địa. Thực hiện việc quản lý, lưu trữ hồ sơ, cơ sở dữ liệu điều tra rừng trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn: Cập nhật kết quả điều tra rừng vào hồ sơ quản lý đất đai, hồ sơ quản lý rừng, đảm bảo sự thống nhất về diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; tiếp tục tổ chức thực hiện công tác theo dõi diễn biến rừng hàng năm, cập nhật thông tin biến động vào cơ sở dữ liệu, và tổng hợp báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vào quý I của năm tiếp theo.

- Giao Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu kết quả Điều tra hiện trạng rừng, trữ lượng các bon rừng để phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện lưu trữ hồ sơ, dữ liệu theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, công khai và cung cấp thông tin kết quả điều tra rừng trên địa bàn để các tổ chức, cá nhân thống nhất sử dụng; thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn theo quy định của Luật Lâm nghiệp; tổ chức quản lý, bảo vệ rừng, sử dụng đất lâm nghiệp theo quy định hiện hành; tiếp tục sử dụng kết quả điều tra rừng làm cơ sở nền tảng để xây dựng kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng và thực hiện theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.

3. Thống kê tỉnh Lào Cai và các đơn vị có liên quan phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu điều tra rừng trên địa bàn tỉnh đảm bảo thống nhất, phù hợp giữa kết quả thống kê, kiểm kê đất đai định kỳ với kết quả theo dõi diễn biến rừng hàng năm.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Thống kê tỉnh Lào Cai và các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đ/c Giàng Quốc Hưng - PCT. UBND tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh (đ/c Khanh);
- Lưu: VT, NLN (Thành).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Giàng Quốc Hưng**